TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2018/DS-PT
Ngày: 28 - 9 - 2018
V/v tranh chấp Quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Hồng Vân.
Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Phấn.
Ông Hoàng Ngọc Anh

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Đồng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 82/2017/TLPT-DS ngày 06 tháng 12 năm 2017 về việc "Tranh chấp Quyền sử dụng đất". Do bản án Dân sự sơ thẩm số: 12/2017/DS-ST ngày 15/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Nghệ An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 67/2018/QĐ-PT, ngày 09 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Hoàng Xuân D. Sinh năm 1953. Có mặt.

Trú tại: Xóm Đ, xã Ch, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

2. *Bị đơn:*

2.1. Chị Phan Thị H. Sinh năm 1973. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của chị H: Anh Nguyễn Mạnh H. Sinh năm 1969. Có mặt.

2.2. Chị Lê Thị Đ. Sinh năm 1967. Có mặt.

2.3. Chị Nguyễn Thị B. Sinh năm 1980. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền cho chị B: Anh Nguyễn Song Th. Sinh năm 1977. Có mặt.

2.4. Anh Nguyễn Song Th. Sinh năm 1977. Có mặt.

2.5. Anh Đỗ Hồng Q. Sinh năm 1965. Có mặt.

2.6. Chị Võ Thị Nh. Sinh năm 1971. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền cho chị Nh: Anh Đỗ Hồng Q. Sinh năm 1965. Có mặt.

2.7. Anh Trần Thanh B (Tên khác: Trần Văn B). Sinh năm 1963. Có mặt.

2.8. Ông Nguyễn Văn B. Sinh năm 1958. Có mặt.

2.9. Bà Võ Thị Ng. Sinh năm 1962. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Ng: Ông Nguyễn Văn B. Sinh năm 1958. Có mặt.

Đều trú tại: Xóm Đ, xã Ch, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Anh Nguyễn Mạnh H. Sinh năm 1969. Có mặt.

3.2. Bà Đào Thị L. Sinh năm 1955. Có mặt.

3.3. Anh Lê Văn Th. Sinh năm 1970. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Th: Chị Lê Thị Đ. Có mặt.

3.4. Chị Tăng Thị Ng. Sinh năm 1969. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Ng: Anh Trần Thanh B (Tên khác: Trần Văn B). Sinh năm 1963. Có mặt.

Đều trú tại: Xóm Đ, xã Ch, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

3.5. Đại diện Ủy ban nhân dân huyện Q, tỉnh Nghệ An. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

3.6. Ông Lê Sỹ H - Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Q, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

Địa chỉ: Thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Hoàng Xuân D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/4/2014 và qua lấy lời khai, nguyên đơn ông Hoàng Xuân D trình bày: Ngày 09/01/1992, gia đình ông làm đơn xin cấp 500 m^2 đất tại khu vực ao, sau chợ Đồng Nại (cũ), xã Ch, huyện Q. Đến ngày 05/4/1992, ông nhận chuyển nhượng với ông Sầm Văn Hạnh, trú tại xóm Bản Luốm, xã Ch, huyện Q, diện tích đất 410 m^2, (không ghi đặc điểm, địa chỉ thửa đất chuyển nhượng mà chỉ ghi ở sau nhà anh D và anh Th), giấy tờ chuyển nhượng chỉ do hai bên ký. Ngày 15/9/1993, gia đình ông nhận chuyển nhượng với ông Sầm Văn X, trú tại xóm bản Yên (xóm Yên Luốm, xã Ch, huyện Q) 1 thửa đất không ghi diện tích, (không ghi đặc điểm, địa chỉ thửa đất, chỉ ghi nằm giáp chuồng lợn anh D và phía Đông giáp ao cá anh Dụng). Ngày 23/4/1994, cán bộ UBND xã Ch, huyện Q lập biên bản xác minh giao đất và vẽ sơ đồ với diện tích là 929,1 m^2. Trong đó trừ

vào đất ở cố định 410 m^2 còn lại 519,1 m^2 là đất giao thầu nhận khoán theo quy định của thời điểm. Hiện tại, gia đình ông mới được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 150 m^2 tại xóm Đ, xã Ch, huyện Q (Giấy chứng nhận QSDĐ số H00025, cấp vào ngày 10/4/2010), số diện tích đất còn lại chưa được cấp giấy chứng nhận QSDĐ. Ông khởi kiện cho rằng từ năm 1994 đến năm 2012, có 6 gia đình đã lấn chiếm đất của ông gồm: Hộ chị Phan Thị H lấn chiếm diện tích đất 159,5 m^2; Hộ chị Lê Thị Đ lấn chiếm diện tích đất 67 m^2; Hộ anh Nguyễn Song Th và Nguyễn Thị B lấn chiếm diện tích đất 109 m^2; Hộ anh Trần Thanh B (Trần Văn B) lấn chiếm diện tích đất 67 m^2; Hộ anh Đỗ Hồng Q và Võ Thị Nh lấn chiếm diện tích đất 97 m^2; Hộ ông Nguyễn Văn B và bà Võ Thị Ng lấn chiến diện tích đất 62,4 m^2. Tổng toàn bộ diện tích 6 gia đình lấn chiếm là 561,9 m^2. Nay Ông D yêu cầu Tòa án buộc 6 gia đình trên phải trả lại diện tích đất đó cho ông hoặc trả bằng giá trị tiền 1 m^2 đất = 1.000.000 đồng.

Ngày 22/12/2014, ông D bổ sung đơn khởi kiện, yêu cầu chị Võ Thị Nh và anh Đỗ Hồng Q phải bồi thường bức tường chuồng lợn do ông D xây trị giá 2.000.000 đồng.

- Ngày 12/4/2016, ông D làm đơn khởi kiện Chủ tịch UBND huyện Q đã vi phạm khoản 5 điều 26 Luật đất đai năm 2013 đã cấp đè, cấp chồng lên phần đất ao số 1 của gia đình ông. Nay ông D yêu cầu hủy hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ Đỗ Hồng Q và Võ Thị Nh; Hộ Trần Thanh B và Tăng Thị Ng; Hộ Nguyễn Văn B và Võ Thị Ng.

Đồng thời ông D khởi kiện ông Lê Sỹ H - Trưởng phòng Tài nguyên và môi trường huyện Q đã trả lời đơn kiến nghị của công dân sai sự thật, gây khó khăn cho công dân (ông D).

- Ngày 23/11/2016, Ông làm đơn khởi kiện bổ sung kiện hộ anh Nguyễn Song Th và chị Nguyễn Thị B đã lấn chiếm tiếp diện tích đất 10 m^2 tại xóm Đ, xã Ch, huyện Q; Khởi kiện hộ chị Phan Thị H và anh Nguyễn Mạnh H lấn chiếm tiếp diện tích đất 76,89 m^2, tại xóm Đ, xã Ch, huyện Q.

Ngày 30/6/2017, ông Hoàng Xuân D khởi kiện bổ sung lần thứ 3 kiện hộ anh Nguyễn Song Th và chị Nguyễn Thị B lấn chiếm diện tích đất 121,8 m^2, tại xóm Đ, xã Ch, huyện Q; Hộ chị Phan Thị H và anh Nguyễn Mạnh H lấn chiếm diện tích đất 40 m^2, tại xóm Đ, xã Ch, huyện Q.

Bị đơn chị Phan Thị H và anh Nguyễn Mạnh H trình bày: Gia đình anh, chị đến xóm Đ, xã Ch, huyện Q từ năm 1990, lúc đến ở được xã Ch, huyện Q cấp diện tích đất có chiều rộng bám mặt đường 532 là 6m, chiều dài là 9m, lúc làm thủ tục cấp giấy tờ có thu tiền. Năm 1995 được ủy ban nhân dân huyện Q cấp Quyết định về việc giao đất làm nhà ở (bìa xanh). Quá trình ở gia đình anh, chị đã xây dựng

nhà kiên cố và công trình trên đất đó nhưng không có sự can thiệp nào từ phía chính quyền địa phương và tranh chấp giữa các hộ gia đình với nhau. Năm 2009, diện tích đất của anh, chị được ủy ban nhân dân huyện Q đo đạc lại để cấp bìa đỏ, lúc đo đạc các hộ đều phải có mặt và ký giáp ranh tứ cận. Lúc đo, diện tích đất phía sau của gia đình anh chị (phía Đông) được ông D đóng cọc bê tông làm mốc, theo đó, diện tích đất của gia đình anh, chị đo đến cọc bê tông mà ông D đã đánh dấu. Nay anh, chị không chấp nhận việc kiện tranh đất của ông D. Đối với diện tích đất ông D khởi kiện bổ sung 76,89 m^2 tại xóm Đ, xã Ch, huyện Q, anh, chị không nhất trí trả đất cho ông D, bởi vì phần đất này không phải đất của ông D. Còn việc ông D khởi kiện bổ sung lần thứ 3 diện tích là 40 m^2 tại xóm Đ, xã Ch, huyện Q, diện tích đất này là khu vực nhà ở của gia đình, anh, chị đã xây dựng nhà ở kiên cố từ năm 2000 đến năm 2008 thì xây dựng công trình phụ trên đất đó.

Chị Lê Thị Đ trình bày: Vào năm 1990, gia đình chị có nhận chuyển nhượng của bà Võ Thị Từ, trú tại Bản Phạy, xã Ch, huyện Q, tỉnh Nghệ An 01 ốt quán tại xóm Đ, xã Ch, huyện Q, chị không diện tích. Quá trình ở và buôn bán tại đó, gia đình chị vẫn giữ nguyên hiện trạng đất và xây dựng nhà ở kiên cố trên đất đó. Do đường tỉnh lộ 532 mở rộng hành lang giao thông nên có lấn vào đất của gia đình chị 9m, do đó gia đình chị có lấn vào phía sau để bù vào phần bị hành lang giao thông lấn. Phần diện tích phía sau mà gia đình chị lấn là ao bèo bỏ hoang đã lâu. Hiện nay, đất của gia đình chị đã được ủy ban nhân dân huyện Q đo vẽ (Có hồ sơ địa chính) để cấp giấy chứng nhận QSDĐ với diện tích 138,1 m^2. Ông D khởi kiện yêu cầu gia đình chị phải trả lại đất chị không nhất trí.

Anh Nguyễn Song Th và chị Nguyễn Thị B trình bày: Diện tích đất gia đình anh, chị đang sử dụng trước đó là của bố anh (ông Nguyễn Trung H hiện nay đã chết) để lại diện tích 256 m^2 tại xóm Đ, xã Ch, huyện Q đã có quyết định cấp đất của UBND huyện Q. Ông H sinh sống tại đó từ năm 1987 còn anh và chị ở từ năm 2009. Từ lúc gia đình anh sinh sống tại đó không có ai tranh chấp. Năm 2012, khi các hộ dân ở xóm Đ, xã Ch lùi vào phía sau ao bèo 2 m để làm mương thoát nước, lúc đó ông D mới tranh chấp. Phía sau đất của gia đình anh chị (phía Bắc) giáp với ao bèo, toàn bộ khu vực ao bèo là cây bèo tây và cây cối mọc rậm rạp. Đến năm 2009 ông D mới thuê người nạo vét, đào lại ao. Ông D khởi kiện yêu cầu trả lại đất anh chị không nhất trí. Còn diện tích đất ông Hoàng Xuân D khởi kiện bổ sung 10 m^2 diện tích đất này gia đình anh, chị chỉ rào để trồng rau, anh, chị sẽ tự tháo dỡ nếu Nhà nước thu hồi. Đối với diện tích đất ông D khởi kiện bổ sung lần thứ ba diện tích là 121,8 m^2 tại xóm Đ, xã Ch, huyện Q, phần diện tích đất này nằm trong khuôn viên nhà ở của anh, chị (hiện nay đã xây dựng nhà 2 tầng), ông D khởi kiện như thế là lấy hết toàn bộ diện tích nhà ở của anh và còn lấn vào đất thuộc đất hành

lang an toàn giao thông là 22,7 m^2. Diện tích đất của gia đình anh còn lại là 9 m^2 (diện tích này nằm trong đất thuộc hành lang an toàn giao thông). Anh cho rằng, việc ông D khởi kiện là không có căn cứ, hết sức vô lý, anh không chấp nhận.

Anh Trần Thanh B (Trần Văn B) và chị Tăng Thị Ng trình bày: Vào năm 1990, gia đình anh, chị được UBND xã Ch cấp đất tại xóm Đ, xã Ch để làm nhà ở. Năm 1991, anh, chị làm nhà trên đất đó. Năm 2004, gia đình anh, chị được UBND huyện Q cấp giấy chứng nhận QSDĐ diện tích 69 m^2. Diện tích đất gia đình anh, chị đang ở, phía trước giáp đường 532, hai bên các hộ liền kề cũng xây dựng nhà ở kiên cố, phía sau giáp ao bèo và tiếp đó là ruộng lúa của xóm Yên Luốm, xã Ch, huyện Q. Từ lúc gia đình anh, chị đến ở cho đến nay anh, chị không biết và cũng không nghe ai nói ao bèo là đất của ông D. Việc ông D khởi kiện yêu cầu anh, chị phải trả lại đất anh chị không nhất trí. Việc ông D yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSDĐ của gia đình anh, chị không nhất trí bởi vì đất của gia đình anh, chị được cấp đúng quy định.

Anh Đỗ Hồng Q và chị Võ Thị Nh trình bày: Diện tích đất gia đình anh, chị đang ở tại xóm Đ, xã Ch, huyện Q là do UBND xã Ch, huyện Q cấp cho bố của anh Qu từ năm 1987 hoặc 1988. Lúc được cấp, phía sau là ao hồ gia đình phải chở đất san lấp mới có đất để làm ốt quán. Lúc UBND xã Ch cấp chỉ có biên lai thu tiền. Năm 2004, gia đình anh, chị được UBND huyện Q cấp giấy chứng nhận QSDĐ diện tích 156 m^2 tại xóm Đ, xã Ch, huyện Q. Gia đình anh, chị đã làm nhà ở kiên cố trên đất đó. Ông Hoàng Xuân D khởi kiện yêu cầu anh, chị phải trả lại đất anh, chị không nhất trí.

Đối với yêu cầu bồi thường bức tường chuồng lợn, anh, chị không đập phá, không tháo dỡ ngói như ông D trình bày mà chỉ xây chồng lên. Do đó, anh, chị không chấp nhận bồi thường mà chỉ đồng ý tháo dỡ phần xây chồng lên.

Về việc ông D khởi kiện yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình anh chị, anh, chị không nhất trí, bởi vì đất của gia đình anh, chị đã được cấp đúng quy định.

Ông Nguyễn Văn B và bà Võ Thị Ng trình bày: Năm 1989, gia đình ông, bà được UBND xã Ch cấp một thửa đất tại xóm Đ, xã Ch để làm ốt quán may mặc, thửa đất được cấp chỉ đủ để làm ốt quán, sát phía sau quán là ao bèo. Ao bèo này trước đây do chủ lò gạch lấy đất làm gạch, không san lấp lại nên thành cái ao bỏ hoang và gây ô nhiễm. Lúc gia đình ông, bà đến làm quán tại đó, do phía sau không có đất nên gia đình ông,bà đã xin phép xã Ch bồi lấp một phần ao bèo để mở rộng ốt quán. Được sự đồng ý của UBND xã Ch gia đình ông, bà đã san lấp đất và đến năm 1994 mới xong. Năm 1994, có chủ trương cấp đất ở cố định cho các hộ có đất kinh doanh tại xóm Đ, xã Ch, gia đình ông, bà được Ủy ban nhân dân huyện

Q cấp diện tích đất 104,4 m^2, khi nộp lệ phí cấp đất gia đình ông còn được miễn giảm số tiền phải nộp do san lấp mặt bằng. Năm 1998, gia đình ông, bà đã làm nhà ở kiên cố cho đến nay. Năm 2010, gia đình ông, bà được Ủy ban nhân dân huyện Q đo đạc lại để cấp đổi bìa diện tích đất đo đạc là 119,5 m^2. Việc ông Hoàng Xuân D khởi kiện yêu cầu trả lại đất ông, bà không nhất trí.

Việc ông D khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định cấp đất của gia đình ông, bà, ông, bà không nhất trí, bởi vì đất của gia đình ông, bà được cấp từ năm 1995 và cấp đúng quy định.

Bà Đào Thị L (vợ ông Hoàng Xuân D) là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày: Gia đình bà có mua của ông Sầm Văn Hạnh và Sầm Văn X (đều trú tại làng Luốm, xã Ch, huyện Q) một số diện tích đất ruộng tại xã Ch từ năm 1993, còn các thủ tục mua bán cụ thể đều do ông Hoàng Xuân D làm. Đất gia đình bà nhận chuyển nhượng của ông Sầm Văn H nằm phía sau các hộ gia đình đang tranh chấp (gồm 6 hộ như trong đơn ông D khởi kiện). Toàn bộ diện tích đất đó, chưa được cấp giấy chứng nhận QSDĐ, còn diện tích đất mà gia đình bà hiện tại đã làm nhà ở tại xóm Đ, xã Ch, huyện Q được cấp giấy chứng nhận QSDĐ diện tích 150 m^2, cấp từ năm 1988. Mảnh đất này có một góc giáp với đất mà gia đình bà nhận chuyển nhượng của ông Sầm Văn H. Sáu hộ gia đình lấn chiếm đất của gia đình bà, bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc các hộ gia đình đó phải trả lại đất cho gia đình bà. Ủy ban nhân dân huyện Q: Người được ủy quyền: Ông Vy Thanh T, Phó chủ tịch UBND huyện Q trình bày: Quy trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Trần Văn B; Hộ bà Võ Thị Nh đã thực hiện đúng quy định của pháp luật, còn hộ ông Nguyễn Văn B chỉ có quyết định giao đất của UBND huyện Q. Việc ông Hoàng Xuân D đề nghị hủy giấy chứng nhận QSDĐ của hộ ông Trần Văn B; Hộ bà Võ Thị Nh; Quyết định giao đất của ông Nguyễn Văn B không có cơ sở theo quy định tại khoản 2 Điều 106 Luật đất đai năm 2013.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Sỹ H trình bày: Phòng Tài nguyên và môi trường huyện Q trả lời công văn số 22/TN&MT ngày 07/9/2016 có nội dung "Đất 3 hộ gia đình: Hộ ông Trần Văn B; Hộ và Võ Thị Nh; Hộ ông Nguyễn Văn B không liền kề đất ở của ông Hoàng Xuân D", qua kiểm tra thực tế đất của 3 hộ gia đình nêu trên giáp với ao bèo (đất đang trong quá trình giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông Hoàng Xuân D với 6 hộ nêu trên), chứ không giáp với đất mà ông D được cấp đất (có nhà ở trên đó). Vì vậy, phòng Tài nguyên và môi trường trả lời công văn số 22/TN&MT đúng quy định và đúng nội dung đơn của ông Hoàng Xuân D.

Tại bản án số 12/2017/DS-ST ngày 15/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Nghệ An đã quyết định:

Áp dụng: Điều 608, Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 166, Điều 170, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 30, Điều 31 Luật tố tụng hành chính.

Căn cứ vào khoản 7 Điều 25 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2005; Khoản 9 Điều 26, Điều 34, Điều 147, khoản 1 Điều 156; Khoản 1 Điều 157; Khoản 1 Điều 164; Khoản 1 Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 5 Điều 1 Nghị quyết số 104/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội về việc thi hành Luật tố tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 19 Nghị định số 43/2014 ngày 15/52014 của Chính phủ;

Căn cứ vào Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009;

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Xuân D về việc yêu cầu chị Phan Thị H và anh Nguyễn Mạnh H phải trả diện tích đất 276,39 m^2,tại xóm Đ, xã Ch, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

1.1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Xuân D về việc yêu cầu chị Lê Thị Đ phải trả diện tích đất: 67 m^2, tại xóm Đ, xã Ch, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

1.2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Xuân D về việc yêu cầu anh Nguyễn Song Th và chị Nguyễn Thị B phải trả diện tích đất: 240,8 m^2, tại xóm Đ, xã Ch, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

1.3. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Xuân D về việc yêu cầu anh Trần Thanh B (Trần Văn B) phải trả diện tích đất: 67 m^2,tại xóm Đ, xã Ch, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

1.4. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Xuân D về việc yêu cầu anh Đỗ Hồng Q và chị Võ Thị Nh phải trả diện tích đất: 97 m^2, tại xóm Đ, xã Ch, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

1.5. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Xuân D về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn B và bà Võ Thị Ng phải trả diện tích đất: 62,4 m^2, tại xóm Đ, xã Ch, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Xuân D về yêu cầu anh Đỗ Hồng Q và chị Võ Thị Nh phải bồi thường thiệt hại về chuồng lợn.

Buộc anh Đỗ Hồng Q phải tháo dỡ phần xây thêm lên tường chuồng lợn có chiều cao là: 0,85m, chiều dài là: 2,6m, tại xóm Đ, xã Ch, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

3. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Xuân D về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện Q, tỉnh Nghệ An, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 227/QSDĐ/CV số 38/CV-UB ngày 18/2/2003 mang tên Võ Thị Nh.

3.1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Xuân D về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện Q, tỉnh Nghệ An, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00532/QSDĐ/465/QĐ-UB ngày 21/4/2004 mang tên Trần Văn Bình (Trần Thanh B)

3.2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Xuân D về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện Q, tỉnh Nghệ An, hủy Quyết định cấp đất số 158/QĐ-UB ngày 14/1/1995 mang tên Nguyễn Văn B.

4. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Xuân D về việc khởi kiện hành vi hành chính đối với ông Lê Sỹ H - Trưởng phòng Tài nguyên và môi trường huyện Q.

5. Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện Q, tỉnh Nghệ An xử lý về diện tích đất tăng thêm của các hộ: Hộ Chị Lê Thị H; Hộ chị Lê Thị Đ; Hộ anh Nguyễn Song Th; Hộ anh Trần Thanh B; Hộ chị Võ Thị Nh; Hộ ông Nguyễn Văn B.

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, quyền kháng cáo.

Ngày 28/9/2017, nguyên đơn ông Hoàng Xuân D làm đơn kháng cáo với các nội dung sau: Xem xét, đối chiếu, đánh giá chứng cứ để xét xử đúng pháp luật, buộc các hộ đã lấn chiếm đất trái phép hoàn trả nguyên trạng đất cho ông; Buộc người gây thiệt hại phải bồi thường mọi thiệt hại theo đúng quy định của pháp luật; Yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền xem xét trách nhiệm của các cơ quan quản lý đất đai, cá nhân thực hiện công vụ, đã cố ý làm trái quy định về quản lý đất đai để xử lý theo đúng quy định của pháp luật; Xem xét hành vi xét xử của thẩm phán Cao Thị Nghệ trong khi thi hành công vụ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Hoàng Xuân D vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo và trình bày:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa công nhận quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các bên đương sự chấp hành đúng quy định pháp luật. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của ông Hoàng Xuân D, hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm về yêu cầu khởi kiện hành vi hành chính đối với ông Lê Sỹ H - Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Q.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát và các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất: Ông Hoàng Xuân D khởi kiện 6 hộ tranh chấp, lấn chiếm đất phải trả lại đất cho ông D gồm: Hộ chị Phan Thị H và anh Nguyễn Mạnh H (khởi kiện 3 lần) diện tích đất (159,5 m^2 + 76,89 m^2 + 40 m^2) = 276,39 m^2; Hộ chị Lê Thị Đ và anh Lê Văn Th, diện tích đất 67 m^2; Hộ anh Nguyễn Song Th và chị Nguyễn Thị B (khởi kiện 3 lần) diện tích đất (109 m^2 + 10 m^2 + 121,8 m^2) = 240,8 m^2; Hộ anh Trần Văn B và chị Tăng Thị Ng diện tích đất 67 m^2; Hộ anh Đỗ Hồng Q và chị Võ Thị Nh, diện tích đất 97 m^2; Hộ ông Nguyễn Văn B và bà Võ Thị Ng diện tích đất 62,4 m^2. Tổng toàn bộ diện tích ông Hoàng Xuân D khởi kiện 6 hộ gia đình lấn chiếm là 810,59 m^2 tại xóm Đ, xã Ch, huyện Q.

[2] Căn cứ ông Hoàng Xuân D khởi kiện gồm:

+ Đơn xin đề nghị cấp đất ở cố định của ông Hoàng Xuân D đề ngày 09/01/1992 (có xác nhận của UBND xã Ch, huyện Q, nhưng không ghi tên người ký và không đóng dấu).

+ Xác minh giao đất đề ngày 29/3/1994 (do ông Nguyễn L và ông Vy V là cán bộ xã Ch, huyện Q thời điểm năm 1994 lập, không có xác nhận của chính quyền địa phương).

+ Giấy chuyển nhượng ruộng khai hoang của ông Hoàng Xuân D với ông Sầm Văn Hạnh đề ngày 05/4/1992.

+ Giấy chuyển nhượng ruộng khai hoang của ông Hoàng Xuân D với ông Sầm Văn Xuân đề ngày 15/9/1993.

+ Giấy xác nhận nguồn gốc và thời gian sử dụng đất đề ngày 23/5/2014 của UBND xã Ch, huyện Q.

[3] Xét chứng cứ do ông Hoàng Xuân D cung cấp thấy rằng:

- Thứ nhất: Đơn xin đề nghị cấp đất ở cố định đề ngày 09/01/1992 do ông D cung cấp mới chỉ là đơn do ông D trình bày xin cấp đất. Phía dưới đơn có ghi "UBND xã Ch căn cứ đơn trình bày của gia đình và chứng thực của xóm trưởng nay cấp đất ở cho ông D, xóm Đồng Nại diện tích 500 m^2 như đơn đã trình bày ngày 30/1/1992 thay mặt UBND xã chủ tịch ký". Đơn này có chữ ký nhưng không ghi họ tên của người ký và không đóng dấu. Đơn này không có giá trị pháp lý để xác định diện tích đất ông D được cấp. Như vậy, không có căn cứ để xem xét giải quyết yêu cầu của ông D.

- Thứ hai: Về giấy Xác minh giao đất đề ngày 29/3/1994 có nội dung "...Trừ vào đất ở cố định = 410 m^2 còn lại 519,1 m^2 = giao thầu nhận khoán theo quy định

của thời điểm...". Biên bản này do ông Nguyễn L và ông Vy V lập. Biên bản giao đất này chỉ là một bản vẽ nháp bằng tay, không xác định tứ cận, không mô tả đặc điểm thửa đất, số liệu bị tẩy xóa, diện tích theo số học cộng nhầm lẫn (trong ô (1) 273 m^2+ 701,8 m^2 = 974,8 m^2) nhưng trong giấy đó lại ghi = 929,1 m^2, biên bản không được cấp có thẩm quyền phê duyệt, xác nhận.

Điều tra, xác minh tại ông Nguyễn L thì ông L đã trình bày: Vào thời điểm năm 1994, ông (Nguyễn L, tên gọi khác Nguyễn Ngọc L) đang làm việc ở bộ phận phụ trách nông nghiệp xã Ch, huyện Q, còn ông V Việt làm cán bộ giao thông - thủy lợi - địa chính xã Ch. Năm 1994, ông Luyện có tham gia bàn giao đất cho ông Hoàng Xuân D tại khu vực ao (lò gạch cũ nay là xóm Đ, xã Ch, huyện Q), thời điểm đó, khu vực này đã bị khai thác đất làm gạch nên tạo thành các vũng trũng, ao tù. Khi đo đất tổng diện tích là 929,1 m^2 trừ vào đất ở cố định 410 m^2 còn lại 519,1 m^2 là đất 5% do UBND xã Ch quản lý, chỉ giao thầu nhận khoán cho ông Hoàng Xuân D để nộp thuế nông nghiệp theo quy định, chứ không giao lâu dài, không cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho ông D.

Điều tra, xác minh tại ông Vy V (tên gọi khác: Quán Vi V) thì ông V đã trình bày: Năm 1994, ông có tham gia đo đất đối với ông Hoàng Xuân D, khi đo đất có tổng diện tích là 929,1 m^2, trong đó 410 m^2 là giao đất ở cố định, còn 519,1 m^2 giao thầu nhận khoán. Diện tích 410 m^2 giáp liền kề với đất ông D xây nhà ở.

Như vậy, chứng cứ này không có căn cứ xác định nguồn gốc đất để xem xét giải quyết yêu cầu của ông D.

- Thứ ba: Giấy chuyển nhượng ruộng khai hoang của ông Hoàng Xuân D với ông Sầm Văn H đề ngày 05/4/1992, giấy chuyển nhượng ruộng khai hoang của ông D với ông Sầm Văn X đề ngày 15/9/1993, hai giấy chuyển nhượng này đã được thể hiện tại giấy xác nhận nguồn gốc và thời gian sử dụng đất ngày 23/5/2014 của UBND xã Ch, huyện Q.

- Thứ tư: Giấy xác nhận nguồn gốc và thời gian sử dụng đất đề ngày 23/5/2014 do ủy ban nhân dân xã Ch lập, có nội dung "Ông Hoàng Xuân D hiện nay đang sử dụng: Thửa số 54,114, tờ bản đồ số 54, diện tích 1.149,9 m^2. Nguồn gốc sử dụng đất: Đất được Nhà nước cấp, sử dụng liên tục từ năm 1995 là: 150 m^2; Đất sử dụng liên tục từ ngày 07/10/1993 đến nay ổn định không tranh chấp: 359,3 m^2; Đất sử dụng không liên tục, không hiệu quả từ ngày 07/10/1993 đến năm 2009 (sau khi có đo đạc địa chính, xây dựng bản đồ địa chính, chính quy), đất có tranh chấp: 635,6 m^2; Diện tích đất ghi trong giấy chuyển nhượng đất khai hoang của ông Sầm Văn H với ông Hoàng Xuân D được ông Chủ tịch UBND xã Ch, huyện Q đồng ý cấp ngày 07/10/1993 và giấy chuyển nhượng đất khai hoang của ông Sầm Văn X cho ông Hoàng Xuân D được UBND xã Ch giao theo sơ đồ đo vẽ ngày

29/3/1994. Diện tích đất ruộng chuyển nhượng này chưa được quản lý và lưu trữ trong hồ sơ địa chính tại UBND xã Ch; Mốc giới, ranh giới thửa đất không xác định được theo sơ đồ đo vẽ giao đất. Phần diện tích đất giao khoán ghi trong giấy giao đất năm 1994 chưa thực hiện nghĩa vụ nộp tiền thuê đất 5% hàng năm của UBND xã Ch". Như vậy, trong phần nội dung của giấy này cũng đã chứng minh được các chứng cứ mà ông D khởi kiện không có căn cứ pháp lý để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D. Căn cứ vào khoản 2 Điều 19 Nghị định số 43/2014 ngày 15/5/2014 của Chính phủ, quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai đã quy định: Các trường hợp không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất. "Người đang sử dụng đất nông nghiệp thuộc quỹ đất công ích của xã, phường, thị trấn".

[4] Ngoài ra, quá trình giải quyết vụ án ông Hoàng Xuân D khai về nguồn gốc, đặc điểm diện tích đất tranh chấp mâu thuẫn, không thống nhất, không rõ ràng. Cụ thể:

Lời khai ông D đề ngày 22/10/2014 thì ông D khai: Đất của ông mua của ông H và đất do UBND xã cấp sau đó được UBND xã vẽ thành sơ đồ bằng tay để giao đất.

Lời khai ngày 18/11/2014, thì ông D khai: đất ông chuyển nhượng của ông H lúc đó làm ruộng đến năm 1994 thì ông mới cải tổ thành ao, diện tích 410m2 nằm liền kề với đất ở là 500m2 do UBND xã cấp.

Lời khai của ông D đề ngày 09/12/2015 lại khai: Đất của ông có tổng diện tích hơn 1.400 m^2 bao gồm đất mua của ông H, ông X và đất UBND xã Ch cấp. Ao số 1 mua của ông H, ao số 2 có một phần mua của ông H và đất do UBND xã Ch cấp, tại phiên tòa phúc thẩm ông D khai tổng diện tích là 2258 m^2.

Lời khai của ông D đề ngày 23/12/2015 lại khai rằng: Năm hộ tranh chấp đất của ông D nằm ở vị trí ao số 1, hộ chị H tranh chấp ở vị trí ao số 2. Ao số 2 là vị trí UBND xã cấp vào đất ở của ông D.

Tại biên bản xem xét thẩm định thì ông D lại khai rằng phần đất giáp với nhà ở của ông D là do ông D san lấp ao số 1... chứng tỏ ông Hoàng Xuân D cũng không xác định được diện tích đất tranh chấp có đặc điểm như thế nào, dài rộng bao nhiêu mét để mô tả chính xác và xác định vị trí tranh chấp đối với các hộ, và chính ông D cũng khẳng định: Ông đã trực tiếp gặp cấp có thẩm quyền và giao nộp các loại giấy tờ trên để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng đều được trả lời "Giấy tờ đó không có hiệu lực, không có giá trị pháp lý nên không làm được thủ tục cấp giấy chứng nhận QSDĐ."

[5] Qua xem thẩm định tại chỗ ngày 4/11/2015 của Tòa án nhân dân huyện Q đối với diện tích đất mà ông D đang tranh chấp với 6 hộ gia đình tại xóm Đ, xã Ch, huyện Q gồm có hai thửa như sau:

Thửa thứ nhất: (ký hiệu thửa A, đất trên đó có nhà ở của ông D) có diện là 487,30 m^2 (trong đó: Đất đã được cấp giấy chứng nhận QSDĐ mang tên Hoàng Xuân D và Đào Thị L diện tích là 150 m^2; Đất chưa được cấp giấy chứng nhận QSDĐ ông D đã xây nhà ở 2 tầng và nhà bếp trên đất diện tích là 54,7 m^2; Đất chưa được cấp giấy chứng nhận QSDĐ ông D đã xây dựng công trình phụ trên đất là 55,9 m^2; Đất ông D khai lấp ao số 1 (hiện nay đang để đất trống) có diện tích là 226,7 m^2).

Thửa thứ hai: (ký hiệu thửa B ao bèo) có diện tích 657,3 m^2, có đặc điểm: Toàn bộ ao là cây bèo tây mọc, phía trên bờ ao phần tiếp giáp với các hộ tranh chấp là khoảng đất trống, cây cối mọc rậm rạp (diện tích đất này được thể hiện tại tờ bản đồ số 54, thửa số 114 "ký hiệu NTS" có diện tích 635,6 m^2 của UBND xã). Ông Hoàng Xuân D không có giấy tờ gì về thửa đất này.

Tổng diện tích đất của 2 thửa (A+B) là 1.144,6 m^2.

[6] Đối với các hộ ông D tranh chấp thì có các giấy tờ: Hộ bà Võ Thị Nh: Được cấp giấy chứng nhận QSDĐ số: 227/QSDĐ/CV số 38/CV-UB ngày 18/2/2003 diện tích 156 m^2 ngày cấp giấy 14/01/2004 tại xóm Đ, xã Ch, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Được thể hiện tại trang 54 sổ theo dõi cấp giấy chứng nhận QSDĐ lưu tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất, ủy ban nhân dân huyện Q.

Hộ anh Trần Thanh B: được cấp giấy chứng nhận QSDĐ số 00532 /QSDĐ/465/QĐ-UB ngày 21/4/2004 diện tích 69 m^2 tại xóm Đ, xã Ch, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Được thể hiện tại trang số 107 sổ theo dõi cấp giấy chứng nhận QSDĐ, lưu tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất, ủy ban nhân dân huyện Q.

Hộ ông Nguyễn Văn B: Quyết định của UBND huyện số 158/QĐ-UB ngày 14/1/1995, diện tích 104,4 m^2 tại xóm Đ, xã Ch, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Được thể hiện tại trang 42 sổ theo dõi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, lưu tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất, ủy ban nhân dân huyện Q.

Hộ chị Phan Thị H: Quyết định của UBND huyện Q số 53/QĐ-UB ngày 14/1/1995, diện tích 121,55 m^2 tại xóm Đ, xã Ch, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Được thể hiện tại trang số 42 sổ theo dõi cấp giấy chứng nhận QSDĐ, lưu tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất, ủy ban nhân dân huyện Q.

Hộ Ông Nguyễn Trung H (nay con là Nguyễn Song Th) đang sử dụng: Quyết định của UBND huyện Q số 94/QĐ-UB ngày 17/9/1995, diện tích 35 m^2 tại xóm Đ, xã Ch, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Được thể hiện tại trang số 03 sổ theo dõi

cấp giấy chứng nhận QSDĐ, lưu tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất, ủy ban nhân dân huyện Q.

Hộ chị Lê Thị Đ: Nhận chuyển nhượng của bà Võ Thị T, trú tại bản Ph, xã Ch, huyện Q, chuyển nhượng từ năm 1994, diện tích 31 m^2. Hiện nay chưa làm thủ tục chuyển nhượng theo quy định.

Tuy nhiên, theo kết quả thẩm định tại chỗ thì diện tích đất của các hộ đều tăng. Do đó, cần kiến nghị cơ quan có thẩm quyền UBND huyện Q xử lý đối với diện tích đất tăng thêm của các hộ nêu trên.

Căn cứ vào kết quả xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân huyện Q ngày 04/11/2015 đối với diện tích đất của hai thửa (A và B) mà ông D đang tranh chấp với 6 hộ nêu trên và căn cứ vào số liệu tại giấy xác nhận nguồn gốc và thời gian sử dụng đất ngày 23/5/2014 của UBND xã Ch, huyện Q, tỉnh Nghệ An thì thấy diện tích đất của hai tài liệu này phù hợp với nhau.

Từ những phân tích trên thấy rằng việc ông Hoàng Xuân D khởi kiện 6 hộ trên là không có căn cứ. Căn cứ Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 166, 170, điều 203 Luật đất đai năm 2013 để xử bác đơn khởi kiện của ông D.

[7] Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Xuân D đòi bồi thường thiệt hại về bức tường chuồng lợn trên đất tranh chấp thấy rằng: Trước đây ông Hoàng Xuân D có xây dựng 01 chuồng lợn trên thửa đất không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (diện tích chuồng lợn nằm ở vị trí giáp với ao bèo (đất đang trang chấp). Chuồng lợn này trước đây, ông D cho anh Đào Đức D (là em vợ của ông D) mượn để chăn nuôi. Sau đó, do bị hư hỏng nên anh Duy đã tháo dỡ mái ngói, chỉ còn lại tường xây. Khi anh Q xây chuồng gà đã xây chồng lên phần tường chuồng lợn của ông D. Anh Đỗ Hồng Q xây tường chuồng gà chồng lên tường chuồng lợn nhưng không được sự nhất trí của ông D. Mặt khác, diện tích đất ông D xây dựng chuồng lợn là đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đang trong khu vực đất tranh chấp. Nên việc anh Quảng xây tường chuồng gà chồng lên tường chuồng lợn là không gây thiệt hại gì đối với chuồng lợn do ông D xây. Do đó, chỉ cần buộc gia đình anh Đỗ Hồng Q phải tháo dỡ phần xây tường chuồng gà xây chồng lên phần tường chuồng lợn có kích thước cao 0,85m, dài 2,6m là có căn cứ. Như vậy, yêu cầu bồi thường thiệt hại về chuồng lợn của ông Hoàng Xuân D là không có căn cứ, cần áp dụng Điều 608 BLDS năm 2005 để bác yêu cầu này của ông D.

[8] Đối với yêu cầu của ông Hoàng Xuân D yêu cầu UBND huyện Q hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các hộ: Đỗ Hồng Q và Võ Thị Nh; Hộ Trần Văn B và Tăng Thị Ng; hộ Nguyễn Văn B và Võ Thị Ng.

Căn cứ vào kết quả đối thoại ngày 25/4/2017 giữa UBND huyện Q và các đương sự thì thấy rằng: UBND huyện Q cấp đất theo đúng trình tự quy định, do đó UBND huyện không chấp nhận yêu cầu của ông Hoàng Xuân D.

Căn cứ biên bản xác minh tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Q, tỉnh Nghệ An thấy rằng:

Hộ chị Võ Thị Nh: Được cấp giấy chứng nhận QSDĐ số 227/QSDĐ/CV số 38/CV-UB ngày 18/2/2003 diện tích 156 m^2 ngày cấp giấy 14/01/2004 tại xóm Đ, xã Ch, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Được thể hiện tại trang 54 sổ theo dõi cấp giấy chứng nhận QSDĐ, lưu tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Q.

Hộ anh Trần Văn B (Trần Thanh B): được cấp giấy chứng nhận QSDĐ số 00532/QSDĐ/465/QĐ-UB ngày 21/4/2004 diện tích 69 m^2 tại xóm Đ, xã Ch, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Được thể hiện tại trang số 107 sổ theo dõi cấp giấy chứng nhận QSDĐ, lưu tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Q.

Hộ ông Nguyễn Văn B: Quyết định của UBND huyện số 158/QĐ-UB ngày 14/1/1995, diện tích 104,4 m^2 tại xóm Đ, xã Ch, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Được thể hiện tại trang 42 sổ theo dõi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, lưu tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Q.

Các hộ nêu trên làm thủ tục cấp giấy chứng nhận QSDĐ đất theo đúng quy định của pháp luật.

[9] Ngày 12/12/2017 ông Hoàng Xuân D làm đơn yêu cầu giám định, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trưng cầu giám định:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Trần Văn B số Y627858 ngày 21/4/2004 tại Xóm Đồng Nại, xã Ch, huyện Q, tỉnh Nghệ An; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ bà Võ Thị Nh 227/QSDĐ/CV số 38/CV-UB ngày 18/2/2003 tại Xóm Đồng Nại, xã Ch, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

- Quyết định cấp đất số 75 QĐ/UB ngày 12/8/1993 cấp đất kinh doanh cố định cho hộ bà Võ Thị Nh để xác định có dấu hiệu tẩy xóa, sửa chữa về số liệu hay không?

- Quyết định cấp đất số 69 QĐ/UB ngày 07/8/1993 cấp đất kinh doanh cố định cho hộ ông Trần Thanh B để xác định có dấu hiệu tẩy xóa, sửa chữa về số liệu hay không?

[10] Đối với yêu cầu trưng cầu giám định Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hai hộ ông Trần Thanh B và bà Võ Thị Nh, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã tiến hành việc thu thập tài liệu nhưng hiện nay Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ bà Võ Thị Nh hiện đang thế chấp để vay vốn tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Q nên không thu thập được. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An không tiến hành việc trưng cầu giám định Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất của hộ bà Võ Thị Nh theo yêu cầu của ông Hoàng Xuân D được.

[11] Ngày 27/6/2018 Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An ban hành quyết định trưng cầu giám định số 06/2018/QĐ- TCGĐ theo yêu cầu của ông Hoàng Xuân D.

Tại Kết luận giám định số 19/KL- PC 54 (GĐKTHSTT) ngày 12/7/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Nghệ An kết luận:

- Chữ ký đóng dấu tên "Trần Anh Tời" trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 21/4/2004 ký hiệu A1 với chữ ký của ông Trần Anh Tời trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M11 là do cùng một người ký ra.

- Hình dấu tròn trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 21/4/2004 ký hiệu A1 với hình dấu tròn của UBND hyện Q trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M10 là do cùng một con dấu đóng ra.

- Có dấu vết sử chữa tại số "25,6" ở dòng thứ hai từ trên xuống của mục Điều 1 trên Quyết định cấp đất kinh doanh cố định số 75 QĐ/UB ngày 12/8/1993 ký hiệu A3, chữ số nguyên thủy đọc được là "9".

- Có dấu vết sử chữa tại số "4"; chữ số "69" ở dòng thứ hai từ trên xuống của mục Điều 1 trên Quyết định cấp đất kinh doanh cố định số 69 QĐ/UB ngày 07/8/1993 ký hiệu A2. Chữ viết nguyên thủy đọc được tại các vị trí lần lượt là "X"; "45".

[12] Để làm rõ các vấn đề trên, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã ủy thác cho Tòa án nhân dân huyện Q trực tiếp xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Ch, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất UBND huyện Q, kết quả như sau:

Về việc có sự tẩy xóa trong hai quyết định cấp đất số 75 QĐ/UB ngày 12/8/1993 cấp đất kinh doanh cố định cho hộ bà Võ Thị Nh và Quyết định cấp đất số 69 QĐ/UB ngày 07/8/1993 cấp đất kinh doanh cố định cho hộ ông Trần Thanh B, tại biên bản xác minh ngày 19/9/2018 Ủy ban nhân dân xã Ch cung cấp như sau: Hai quyết định này do Chủ tịch UBND xã Ch, huyện Q là ông Lang Văn Tr ký năm 1993, ông Trường hiện nay đã chết, việc có tẩy xóa, sửa chữa hay không, ai là người sửa chữa thì cán bộ công chức địa chính xã Ch không nắm được.

Về sự chênh lệch diện tích đất trong hai quyết định cấp đất kinh doanh cố định nêu trên (trước khi sửa chữa) so với diện tích đất trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Trần Thanh B, hộ bà Võ Thị Nh, tại biên bản xác minh ngày 12/9/2018, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất UBND huyện Q cung cấp như sau: Lí do có sự chênh lệc này là căn cứ vào kết quả đo thực tế, đất của các hộ gia đình tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không có tranh chấp, đã được các hộ liền kề ký giáp ranh, tứ cận.

[13] Hội đồng xét xử qua xem xét tài liệu, chứng cứ ông Hoàng Xuân D xuất trình, kết hợp với các tài liệu khác trong hồ sơ vụ án nhận thấy yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Xuân D không có căn cứ. Vì vậy, việc tẩy xóa trong hai quyết định cấp đất kinh doanh cố định cho hộ ông Trần Thanh B, hộ bà Võ Thị Nh không ảnh hưởng đến quyền lợi của ông D, không làm thay đổi bản chất nội dung vụ án, mà thuộc thẩm quyền của các cơ quan quản lý đất đai xử lý.

Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Xuân D về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện Q hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các hộ: Anh Đỗ Hồng Q, chị Võ Thị Nh; Hộ anh Trần Văn B (Trần Thanh B), chị Tăng Thị Ng; Hộ ông Nguyễn Văn B, bà Võ Thị Ng là không có căn cứ cần bác yêu cầu này của ông D.

[14]. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Xuân D đối với ông Lê Sỹ H thấy rằng: Phòng Tài nguyên và môi trường huyện Q trả lời công văn số 22/TN&MT ngày 07/9/2016 có nội dung "Đất 3 hộ gia đình: Hộ ông Trần Văn (Trần Thanh B); Hộ bà Võ Thị Nh; Hộ ông Nguyễn Văn B không liền kề đất ở của ông Hoàng Xuân D", trên thực tế đất của 3 hộ gia đình này (phía Bắc) đều giáp với ao bèo, chứ không có phía nào giáp với đất ở của ông Hoàng Xuân D. Vì vậy, phòng Tài nguyên và môi trường trả lời công văn số 22/TN&MT là đúng quy định và đúng nội dung đơn của ông Hoàng Xuân D. Công văn số 22/TN&MT là văn bản hành chính có liên quan trong vụ án dân sự, ông D có yêu cầu, Hội đồng sơ thẩm chấp nhận để xem xét và không chấp nhận nội dung khởi kiện này của ông D vì nội dung trả lời của Trưởng phòng Tài nguyên và môi trường không gây thiệt hại gì đối với ông Hoàng Xuân D, việc ông D khởi kiện là không có căn cứ, cấp sơ thẩm bác yêu cầu này là đúng quy định của pháp luật nên cần giữ nguyên.

[15] Ngoài ra, ông Hoàng Xuân D còn kháng cáo 02 nội dung: Xem xét trách nhiệm của các cơ quan quản lý đất đai, cá nhân thực hiện công vụ, cố ý làm trái các quy định quản lý đất đai để xử lý; Xem xét hành vi của thẩm phán Cao Thị Ngh trong khi thi hành công vụ. Hội đồng xét xử thấy rằng hai nội dung này không thuộc thẩm quyền của vụ án dân sự nên không xem xét.

[16] Về số tiền chi phí giám định: Ông D phải chịu tiền chi phí giám định 8.360.000 (số tiền này ông D đã nộp).

[17] Về án phí: Kháng cáo của ông Hoàng Xuân D không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Không chấp nhận nội dung kháng cáo của ông Hoàng Xuân D. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Áp dụng: Điều 608, Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 166, Điều 170, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 30, Điều 31 Luật tố tụng hành chính.

Căn cứ vào khoản 7 Điều 25 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2005; Khoản 9 Điều 26, Điều 34, Điều 147, khoản 1 Điều 156; Khoản 1 Điều 157; Khoản 1 Điều 164; Khoản 1 Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 5 Điều 1 Nghị quyết số 104/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội về việc thi hành Luật tố tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 19 Nghị định số 43/2014 ngày 15/52014 của Chính phủ;

Căn cứ vào Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009;

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Xuân D về việc yêu cầu chị Phan Thị H và anh Nguyễn Mạnh H phải trả diện tích đất 276,39 m^2,tại xóm Đ, xã Ch, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

1.1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Xuân D về việc yêu cầu chị Lê Thị Đ phải trả diện tích đất: 67 m^2, tại xóm Đ, xã Ch, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

1.2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Xuân D về việc yêu cầu anh Nguyễn Song Th và chị Nguyễn Thị B phải trả diện tích đất: 240,8 m^2, tại xóm Đ, xã Ch, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

1.3. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Xuân D về việc yêu cầu anh Trần Thanh B (Trần Văn B) phải trả diện tích đất: 67 m^2,tại xóm Đ, xã Ch, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

1.4. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Xuân D về việc yêu cầu anh Đỗ Hồng Q và chị Võ Thị Nh phải trả diện tích đất: 97 m^2, tại xóm Đ, xã Ch, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

1.5. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Xuân D về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn B và bà Võ Thị Ng phải trả diện tích đất: 62,4 m^2, tại xóm Đ, xã Ch, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Xuân D về yêu cầu anh Đỗ Hồng Q và chị Võ Thị Nh phải bồi thường thiệt hại về chuồng lợn.

Buộc anh Đỗ Hồng Q phải tháo dỡ phần xây thêm lên tường chuồng lợn có chiều cao là: 0,85m, chiều dài là: 2,6m, tại xóm Đ, xã Ch, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

3. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Xuân D về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện Q, tỉnh Nghệ An, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 227/QSDĐ/CV số 38/CV-UB ngày 18/2/2003 mang tên Võ Thị Nh.

3.1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Xuân D về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện Q, tỉnh Nghệ An, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00532/QSDĐ/465/QĐ-UB ngày 21/4/2004 mang tên Trần Văn Bình (Trần Thanh B)

3.2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Xuân D về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện Q, tỉnh Nghệ An, hủy Quyết định cấp đất số 158/QĐ-UB ngày 14/1/1995 mang tên Nguyễn Văn B.

4. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Xuân D về việc khởi kiện hành vi hành chính đối với ông Lê Sỹ H - Trưởng phòng Tài nguyên và môi trường huyện Q.

5. Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện Q, tỉnh Nghệ An xử lý về diện tích đất tăng thêm của các hộ: Hộ Chị Lê Thị Hà; Hộ chị Lê Thị Đ; Hộ anh Nguyễn Song Th; Hộ anh Trần Thanh B; Hộ chị Võ Thị Nh; Hộ ông Nguyễn Văn B.

6. Về chi phí tố tụng: Ông Hoàng Xuân D phải chịu số tiền chi phí thẩm định, định giá tài sản là 7.950.000 đồng, số tiền này ông D đã nộp.

Ông Hoàng Xuân D phải chịu tiền lệ phí đo đạc là 6.000.000 đồng, số tiền này ông D đã nộp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Q.

Anh Đỗ Hồng Q và chị Võ Thị Nh phải hoàn trả cho ông Hoàng Xuân D số tiền chi phí thẩm định, định giá bức tường chuồng lợn là 400.000 đồng.

Ông D phải chịu tiền chi phí giám định là 8.360.000 (Tám triệu, ba trăm sáu mươi ngàn) đồng (số tiền này ông D đã nộp).

7. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Hoàng Xuân D phải chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm và 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí về yêu cầu bồi thường thiệt hại về chuồng lợn, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 25.872.500 (Hai mươi lăm triệu, tám trăm bảy mươi hai ngàn, năm trăm) đồng. Hoàn trả cho ông Hoàng Xuân D số tiền tạm ứng án phí đã nộp 25.472.500 (Hai mươi lăm triệu, bốn trăm bảy mươi hai ngàn, năm trăm) đồng theo biên lai thu số 0006039 ngày 13/10/2014, biên lai thu số 0006134 ngày 06/3/2015, biên lai thu số 0001730 ngày 25/11/2016, biên lai thu số 0000115 ngày 07/7/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Nghệ An.

Anh Đỗ Hồng Q và chị Võ Thị Nh phải chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Hoàng Xuân D phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000152 ngày 12/10/2017, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Nghệ An.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND huyện Q;
- Chi Cục THADS huyện Q;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Thị Hồng Vân